

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 11 - 2021

V/v “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Chí Thiện
2. Ông Nguyễn Minh Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2021/TLST-DS, ngày 06/5/2021 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982
HKTT: phường T, thị xã X, tỉnh Bình Phước
Tạm trú: 682 đường P, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1978; HKTT: xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương
Tạm trú: 487 đường Đ, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đăng K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã X, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 27/9/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện tại, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bà T đã dọn ra sống riêng cùng con từ năm 2018 cho đến nay nên thực tế vợ chồng đã ly thân. Ông K không chăm lo gì cho vợ và con. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn không thể cải thiện, hôn nhân không thể kéo dài nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Bình Phúc A, sinh ngày 22/02/2015. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con là 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Đăng K nhưng ông K không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Nguyễn Đăng K. Ông K có nơi cư trú tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Đăng K theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đăng K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã X, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 27/9/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K là hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà T yêu cầu được ly hôn với ông K vì cho rằng cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn, ông K và bà T thực tế đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Căn cứ Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương ngày 12/10/2021 thể hiện thực tế ông K và bà T đã không còn sống chung nên không còn có thể hàn gắn, không có sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông K nhưng ông không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa hai người đã thực sự không còn, mâu thuẫn giữa bà T và ông K đã thực sự trầm

trọng và bà T xác định không mong muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà T và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Bình Phúc A, sinh ngày 22/02/2015. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18tuổi.

Xét hoàn cảnh thực tế con chung là cháu Nguyễn Bình Phúc A đang sinh sống, học tập ổn định cùng bà T. Quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu ông K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, do ông K không tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ theo nguyện vọng của nguyên đơn và để đảm bảo cuộc sống, học tập ổn định cho cháu Phúc A cần giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu ông K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Đăng K. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đăng K phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Đăng K về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Đăng K (Giấy chứng nhận kết hôn số 123 do UBND phường T, thị xã X, tỉnh Bình Phước cấp ngày 27/9/2013).

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Bình Phúc A, sinh ngày 22/02/2015.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Đăng K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Bình Phúc A, sinh ngày 22/02/2015 mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết. Không ai được quyền cản trở ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị T trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0051394 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Đăng K còn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Tân Phú;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Chí Thiện

Nguyễn Minh Trí

Nguyễn Thị Duy Nhân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Tân Phú;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân

